

Bản án số: 145 /2020/HSST

Ngày: 14/5/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN – TỈNH TN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Minh Huệ
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Phụng 2. Ông Trần Quảng Thái
Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phan Thị Quyên - Cán bộ Tòa án nhân dân TP TN.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP TN tham gia phiên tòa: Bà Thái Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thành phố TN xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 113/2020/HSST ngày 17/3/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 119/2020/QĐXXST - HS ngày 26/3/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Văn L**, Sinh ngày 19 tháng 10 năm 1995, Tên gọi khác: Không, Nơi cư trú: xóm ĐK, xã DT, huyện VN, tỉnh TN; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Không, Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể) trước khi phạm tội: Không; Con ông: Lê Văn Sốc, sinh năm 1973; Con bà: Lê Thị Nhất, sinh năm 1973; Gia đình có ba anh chị em, bị cáo là con thứ hai; Vợ: Hoàng Thị Vui, sinh năm 2000; Có 01 con sinh năm 2019.

- Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh TN (bị can bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/12/2019 đến nay).

(Có mặt tại phiên tòa)

Người làm chứng: 1. Chị Lê Thị H, sinh năm 1989 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm ST, xã QT, TP TN, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 13 giờ 30 phút ngày 18/12/2019, tổ công tác của đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố Thái Nguyên kết hợp với tổ công tác Công an xã QT, thành phố TN làm nhiệm vụ tại khu vực xóm ST của xã thì phát hiện 01 nam thanh niên đi vào trong nhà nghỉ Bảo Trang có biểu hiện liên quan đến ma túy. Tổ công tác tiếp cận yêu cầu kiểm tra, nam thanh niên khai tên là Lê Văn L và tự giác khai nhận đang cất giấu ma túy trong người đồng thời lấy từ túi quần

bên trái phía trước L đang mặc 05 núi nilon màu trắng, bên trong có chứa tinh thể màu trắng (L khai là ma túy Ketamin); 01 gói nilon màu trắng, bên trong có chứa 05 viên nén màu xanh (L khai là ma túy tổng hợp dạng “kẹo”) và 01 túi nilon màu trắng, bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng (L khai là “phôi” ma túy để sử dụng cùng ma túy Ketamin và “kẹo” ở trên) giao nộp. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Lê Văn L và niêm phong, thu giữ vật chứng như nêu trên. Ngoài ra còn tạm giữ của L 01 điện thoại Iphone 7, màu đen đã qua sử dụng, IMEI: 359461081594856.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố TN tiến hành mở niêm phong, cân xác định khối lượng số chất tinh thể màu trắng bên trong 05 gói nilon màu trắng là: 5,417 gam; khối lượng số chất tinh thể màu trắng bên trong 01 gói nilon màu trắng là: 18,303 gam; khối lượng số viên nén dạng kẹo màu xanh bên trong 01 gói nilon màu trắng là: 2,560 gam. Niêm phong ký hiệu lần lượt là K1, K2, K3 gửi giám định.

Ngày 19/12/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố TN tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở đối với Lê Văn L tại xóm ĐK, xã DT, huyện VN, tỉnh TN. Kết quả: không phát hiện thu giữ gì.

Tại bản Kết luận giám định số 53/KL-KTHS ngày 26/12/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh TN kết luận: Mẫu chất tinh thể màu trắng trong phong bì ký hiệu K1 gửi giám định là chất ma túy, loại Ketamin, có khối lượng là 5,417 gam; Mẫu chất tinh thể màu trắng trong phong bì ký hiệu K2 gửi giám định không xác định được là chất gì, có khối lượng là 18,303 gam; Mẫu các viên nén dạng kẹo màu xanh trong phong bì ký hiệu K3 gửi giám định là chất ma túy, loại MDMA, khối lượng là 2,560 gam.

Ngày 03/01/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố TN tiến hành trưng cầu giám định bổ sung đối với mẫu chất tinh thể màu trắng trong phong bì ký hiệu K2 có khối lượng là 18,303 gam. Tại bản Kết luận giám định số 58/C09-TT2 ngày 11/01/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Không tìm thấy chất ma túy trong mẫu ký hiệu K2 gửi giám định.

Tại Cơ quan điều tra, Lê Văn L đã khai nhận: Ngày 15/12/2019, L có gọi điện thoại và hẹn mua của một người đàn ông không quen biết tên là Mẫn tại điểm chờ xe bus đối diện bến xe khách TN với giá 4.000.000 đồng được 05 núi nilon màu trắng, bên trong có chứa Ketamin; 01 gói nilon màu trắng, bên trong có chứa 05 viên nén màu xanh là MDMA và 01 túi nilon màu trắng, bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng là “phôi” ma túy để sử dụng cùng số ma túy Ketamin và MDMA trên cho đỡ bị sốc. Đến khoảng 13 giờ 00 phút ngày 18/12/2019, L mang theo số ma túy mua được ở trên đến khu vực nhà nghỉ Bảo Trang (thuộc xóm ST, xã QT, thành phố TN) để bán cho một người đàn ông tên Quân với giá 4.100.000 đồng nhằm hưởng 100.000 đồng nhưng L chưa kịp bán thì bị tổ công tác của Công an thành phố TN phát hiện, bắt quả tang và tiến hành niêm phong vật chứng như đã nêu trên.

Tại phiên tòa Lê Văn L khai nhận Quân đã đưa cho L số tiền 4.000.000 đồng để mua ma túy, L đưa số tiền trên cho chị Hoàng Thị Vui (vợ L) và L mua của Mẫn chưa đưa tiền. Chị Vui xác nhận có cầm số tiền trên của L đưa cho, chị không biết nguồn gốc của số tiền do phạm tội mà có.

Lời khai nhận của Lê Văn L tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng của vụ án là:

- 02 (Hai) bì niêm phong theo quy định, ký hiệu K1, K3 là mẫu hoàn lại sau giám định

- 01 (Một) bì niêm phong đúng quy định có số 58 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an là mẫu hoàn lại sau giám định.

- 01 (Một) bì niêm phong đúng quy định ký hiệu K, bên trong có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, số IMEI: 359461081594856.

Hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN chờ xử lý.

Tại bản cáo trạng số 127/CT- VKSTPTN, ngày 16/3/2020 Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, tỉnh TN đã truy tố Lê Văn L về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự 2015.

Kết thúc phần thẩm vấn, tại phần tranh luận, vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố TN giữ quyền công tố đã công bố bản luận tội, giữ nguyên quan điểm truy tố. Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bị cáo Lê Văn L phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”;

- Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo từ 48 đến 56 tháng tù . Phạt bổ sung đối với bị cáo 5 đến 7 triệu đồng. Truy thu của bị cáo số tiền 4.000.000đ số tiền do phạm tội mà có

- Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 BLHS 2015, Điều 106 BLTTHS năm 2015:

+ Tịch thu tiêu hủy: 02 (Hai) bì niêm phong theo quy định, ký hiệu K1, K3 là mẫu hoàn lại sau giám định.

01 (Một) bì niêm phong đúng quy định có số 58 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an là mẫu hoàn lại sau giám định.

+ Tịch thu xung quỹ nhà nước: 01 (Một) bì niêm phong đúng quy định ký hiệu K, bên trong có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, số IMEI: 359461081594856 dùng vào việc liên lạc trao đổi mua bán ma túy,

- Bị cáo phải chịu án phí và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, bị cáo không tranh luận gì và thừa nhận việc truy tố, xét xử đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, không bị oan, bị cáo xin được hưởng mức án thấp nhất để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào những chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời khai của bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo Lê Văn L tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp vật chứng đã thu giữ và các chứng cứ, tài liệu khác thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Hồi 13 giờ 30 phút ngày 18/12/2019, tại khu vực xóm ST, xã QT, thành phố TN, Lê Văn L có hành vi tàng trữ 5,417 gam Ketamin và 2,560 gam MDMA nhằm mục đích bán kiếm lời thì bị tổ công tác của Công an thành phố TN phát hiện, bắt quả tang, thu giữ vật chứng. Hành vi mua và bán ma túy nhằm mục đích kiếm lời của Lê Văn L đã đủ yếu tố cấu thành tội *Mua bán trái phép chất ma túy*, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[3]. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN truy tố bị cáo về tội danh và điều luật viện dẫn là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4]. Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS bị cáo được hưởng:

- Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo gieo rắc mối nguy hiểm cho xã hội, gây ra nhiều hệ lụy, bị cáo biết rõ ma túy là mặt hàng cấm do Nhà nước độc quyền quản lý, song do nghiện ma túy, nên bị cáo đã có hành vi tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy để có ma túy dùng. Vì vậy, việc đưa ra xét xử đối với bị cáo là cần thiết nhằm răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

- Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS đối với bị cáo Hội đồng xét xử thấy:

Bị cáo không có tiền án, tiền sự, bị cáo tuổi đời còn trẻ nhưng không chịu lao động, học tập và rèn luyện để trở thành người có ích mà lại đi vào con đường vi phạm pháp luật nên cần xét xử bị cáo với mức án nghiêm khắc phù hợp với hành vi bị cáo gây ra, cách ly bị cáo với xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục. Tuy nhiên, tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo vì vậy được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại

điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 BLHS.

[5]. Về hình phạt: Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo tính nghiêm minh của luật pháp cần áp dụng mức hình phạt tù tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Xét quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã có thái độ khai báo thành khẩn, tuổi đời còn trẻ, nên xem xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo yên tâm cải tạo tốt sớm trở về với gia đình và xã hội, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị mức án đối với bị cáo, xét về hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ thấy là phù hợp nên chấp nhận.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo mua bán ma túy nhằm mục đích kiếm lời bất chính, vì vậy phải phạt bị cáo một khoản tiền để xung quỹ nhà nước. Đại diện VKS đề nghị mức phạt là phù hợp nên chấp nhận.

[7]. Về vật chứng vụ án: áp dụng điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS

- Tịch thu tiêu hủy: 02 (Hai) bì niêm phong theo quy định, ký hiệu K1, K3; 01 (Một) bì niêm phong đúng quy định có số 58 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an;

- Tịch thu xung quỹ nhà nước: 01 (Một) bì niêm phong đúng quy định ký hiệu K, bên trong có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, số IMEI: 359461081594856 dùng vào việc liên lạc trao đổi mua bán ma túy.

- Lê Văn L khai: Quân đã đưa cho L số tiền 4.000.000 đồng để mua ma túy, L đưa số tiền trên cho chị Hoàng Thị Vui (vợ L) và L mua của Mẫn chưa trả tiền. Tại phiên tòa chị Vui xác nhận có cầm số tiền trên của L đưa cho, chị không biết nguồn gốc của số tiền. Vì vậy, truy thu của L số tiền 4.000.000đ do phạm tội mà có vào Ngân sách Nhà nước.

[8]. Các vấn đề khác: Về nguồn gốc số ma túy bị thu giữ, Lê Văn L khai mua của một người đàn ông tên Mẫn không rõ lai lịch, địa chỉ tại khu vực điểm chờ xe bus đối diện bến xe khách TN để bán cho một người đàn ông tên Quân. Quá trình điều tra không xác định được lai lịch, địa chỉ của những người này nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố TN không có cơ sở điều tra làm rõ xử lý.

[9]. Bị cáo phải nộp án phí HSST và được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Bởi các lý trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1, khoản 5 Điều 251; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên: Bị cáo Lê Văn L phạm tội: “*Mua bán trái phép chất ma túy*”

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn L: 48 (Bốn mươi tám) tháng tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 18/12/2019;

Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự: Quyết định tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án;

2. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 BLTTHS năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy: 02 (Hai) bì niêm phong theo quy định, ký hiệu K1, K3 bên trong có chứa ma túy tổng hợp, mặt sau có 02 dấu tròn của phòng KTHS – Công an tỉnh Thái Nguyên cùng chữ ký của Nguyễn Thành Trung và Ngô Hoàng Đạo; 01 (Một) bì niêm phong đúng quy định có số 58 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an bên trong không xác định được là chất ma túy.

- Tịch thu xung quỹ nhà nước: 01 (Một) bì niêm phong đúng quy định ký hiệu K, bên trong có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, số IMEI: 359461081594856.

- Truy thu của Lê Văn L số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng) vào Ngân sách Nhà nước.

(Vật chứng hiện đang lưu giữ, bảo quản tại kho vật chứng của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TN theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 211 ngày 16/3/2020).

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của UBTV Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND, Tỉnh, TP;
- Công an TPTN;
- THA phạt tù;
- Sở Tư pháp TN;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Minh Huệ